

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 4
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	12 - 44

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 6 được cấp vào ngày 4 tháng 7 năm 2023.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong kỳ hiện tại được trình bày tại Thuyết minh số 1 của Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ – Thông tin về Tổng Công ty.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Công nghệ Dược	160 phố Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, Hà Nội
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	126A phố Trần Quốc Thảo, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Hấn	Chủ tịch Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Đức Hùng	Phó chủ tịch	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên	
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên	
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên	
Ông Trần Văn Hải	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng Ban	
Bà Ngô Thị Bích Thảo	Thành viên	
Bà Hoàng Diệu Linh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Bà Kiều Thị Minh Hồng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Văn Hải	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Dung	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
Ông Phí Ngọc Tú	Thành viên

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
	Phó Tổng Giám đốc	đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Đinh Xuân Hân	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 4 tháng 7 tháng năm 2023 là Ông Lê Văn Sơn. Từ ngày 4 tháng 7 đến ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty là Bà Hàn Thị Khánh Vinh – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đề ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Hàn Thị Khánh Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12315195/66923502-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 7 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		820.433.757.379	666.071.555.823
110	I. Tiền	4	6.045.768.968	7.478.832.734
111	1. Tiền		6.045.768.968	7.478.832.734
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		765.300.000.000	634.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	765.300.000.000	634.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		42.447.114.045	17.998.268.974
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	636.541.480	2.454.531.744
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	244.171.634	990.088.359
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	42.336.627.452	18.514.450.849
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(770.226.521)	(3.960.801.978)
140	IV. Hàng tồn kho	9	2.188.446.374	2.035.176.199
141	1. Hàng tồn kho		7.272.712.490	4.134.696.348
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.084.266.116)	(2.099.520.149)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.452.427.992	4.059.277.916
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.023.841.781	2.796.875.349
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	1.428.586.211	1.262.402.567
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.887.470.597.986	1.878.267.949.717
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30.785.628	30.785.628
216	1. Phải thu dài hạn khác		30.785.628	30.785.628
220	II. Tài sản cố định		20.765.746.628	23.178.254.319
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	20.472.457.918	22.840.865.609
222	Nguyên giá		77.176.958.527	77.198.705.075
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(56.704.500.609)	(54.357.839.466)
227	2. Tài sản cố định vô hình		293.288.710	337.388.710
228	Nguyên giá		441.000.000	441.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(147.711.290)	(103.611.290)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	49.345.272.540	49.859.350.591
231	1. Nguyên giá		56.179.278.100	56.105.443.119
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.834.005.560)	(6.246.092.528)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	1.815.911.246.056	1.804.868.987.799
251	1. Đầu tư vào các công ty con		286.193.148.150	286.193.148.150
252	2. Đầu tư vào các công ty liên kết		817.976.816.428	817.976.816.428
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		800.767.772.653	800.767.772.653
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(89.026.491.175)	(100.068.749.432)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.417.547.134	330.571.380
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.417.547.134	330.571.380
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.707.904.355.365	2.544.339.505.540

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		19.720.299.864	22.303.744.013
310	I. Nợ ngắn hạn		19.191.851.253	21.775.295.402
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	907.541.579	576.448.008
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	6.410.340.100	4.148.140.940
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.335.143	32.707.420
314	4. Phải trả người lao động		930.820.225	3.883.758.757
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.078.539.361	2.598.646.468
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.248.828.438	2.560.616.818
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.338.594.166	1.318.108.606
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	4.274.852.241	6.656.868.385
330	II. Nợ dài hạn		528.448.611	528.448.611
337	1. Phải trả dài hạn khác		528.448.611	528.448.611
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.688.184.055.501	2.522.035.761.527
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	2.688.184.055.501	2.522.035.761.527
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		134.960.184.483	126.686.285.615
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		183.223.871.018	25.349.475.912
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		17.075.577.044	665.867.970
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay		166.148.293.974	24.683.607.942
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.707.904.355.365	2.544.339.505.540



Nguyễn Thị Hằng
Người lập



Lữ Thị Khánh Trân
Kế toán trưởng



Hàn Thị Khánh Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	6.363.671.058	7.719.211.518
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	6.363.671.058	7.719.211.518
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(8.414.299.082)	(10.887.601.468)
20	5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.050.628.024)	(3.168.389.950)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	170.057.837.794	75.620.781.282
22	7. Chi phí tài chính	22	11.039.233.870	(37.983.649.911)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(1.596.637.494)	(1.358.904.679)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(11.301.512.172)	(19.944.231.599)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		166.148.293.974	13.165.605.143
31	11. Thu nhập khác		-	45.454.545
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		-	45.454.545
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		166.148.293.974	13.211.059.688
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		166.148.293.974	13.211.059.688

Nguyễn Thị Hằng
Người lập

Lữ Thị Khánh Trân
Kế toán trưởng



Hàn Thị Khánh Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		166.148.293.974	13.211.059.688
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		2.978.674.175	2.993.734.358
03	Các khoản (hoàn nhập)/trích lập dự phòng		(11.248.087.747)	40.602.791.726
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.024.387	16.263.352
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20.2	(169.297.508.691)	(75.620.781.282)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(11.415.603.902)	(18.796.932.158)
09	Tăng các khoản phải thu		(1.358.835.966)	(374.120.844)
10	Tăng hàng tồn kho		(3.138.016.142)	(164.752.315)
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(177.971.457)	(1.365.417.715)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(1.086.975.754)	45.482.560
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.382.016.144)	(2.120.921.418)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(19.559.419.365)	(22.776.661.890)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(73.834.981)	(183.609.091)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(487.600.000.000)	(128.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác		356.800.000.000	194.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(21.547.530.344)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		149.004.924.967	60.179.576.076
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		18.131.089.986	104.948.436.641

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	18.3	(1.710.000)	(135.078.587.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.710.000)	(135.078.587.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.430.039.379)	(52.906.812.249)
60	Tiền đầu kỳ		7.478.832.734	77.086.633.799
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.024.387)	(16.263.352)
70	Tiền cuối kỳ	4	6.045.768.968	24.163.558.198



Nguyễn Thị Hằng
Người lập



Lữ Thị Khánh Trân
Kế toán trưởng



Hàn Thị Khánh Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 6 được cấp vào ngày 4 tháng 7 năm 2023.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- ▶ Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- ▶ Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- ▶ Dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- ▶ Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- ▶ Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- ▶ Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- ▶ Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- ▶ Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ▶ Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- ▶ In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- ▶ Giáo dục nghề nghiệp;
- ▶ Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- ▶ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- ▶ Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; và
- ▶ Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Công nghệ Dược	160 phố Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, Hà Nội
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	126A phố Trần Quốc Thảo, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Dịch vụ Thương mại Dược mỹ phẩm	12 Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 62 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 61 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty con

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty có 4 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
				Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết và lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết và lợi ích
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.	65,41%	65,41%	65,41%	65,41%
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Số 509 – 515 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm.	66,35%	66,57%	66,35%	66,57%
3	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Số 115, đường Ngô Gia Tự, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, bao bì dược, thực phẩm bổ dưỡng, máy móc, thiết bị y tế, chế biến dược liệu.	65,00%	66,81%	65,00%	66,81%
4	Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào (*)	Số 253, đường Vieng Chaluen, quận Saysetta, Thủ đô Vientiane, Lào	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm.	62,17%	93,70%	62,17%	93,70%

(*) Tổng Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại đơn vị này thông qua Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP là công ty mẹ và có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 để ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành kèm theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

T
H
Y
C
N
A
I
A
P
V
I
E
T
N
A
M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	9 - 46 năm
---------	------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Các khoản phân phối mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần (ngày 8 tháng 12 năm 2016) được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác, bao gồm các khoản phân phối mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần, được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể hoặc sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác, bao gồm các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần, được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi giảm vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần. Các khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia từ số lợi nhuận lũy kế của các đơn vị khác phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi giảm vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cho thuê văn phòng

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tổng Công ty kinh doanh hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Tổng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Tổng Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Tiền mặt	1.282.528.242	4.814.308.879
Tiền gửi ngân hàng	4.763.240.726	2.664.523.855
TỔNG CỘNG	<u>6.045.768.968</u>	<u>7.478.832.734</u>

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 6 tháng và hưởng lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Phải thu từ khách hàng		
- Công ty TNHH Phúc Lâm	328.595.827	328.595.827
- Công ty TNHH Dược phẩm và Thương mại Việt Áo	139.566.914	-
- Quầy anh Hoàng Văn Lộ	112.010.694	112.010.694
- Công ty TNHH Abbott Healthcare Việt Nam	-	666.880.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	53.650.765	1.003.605.223
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	2.717.280	343.440.000
TỔNG CỘNG	<u>636.541.480</u>	<u>2.454.531.744</u>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(450.326.521)	(450.326.521)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam – Vietravel – Chi nhánh Hà Nội	100.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ kỹ thuật Quốc tế	52.250.000	675.442.741
Công ty Cổ phần Tư vấn Macconsult	-	172.000.000
Các khoản trả trước khác	91.921.634	142.645.618
TỔNG CỘNG	<u>244.171.634</u>	<u>990.088.359</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.3 Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	3.960.801.978	8.679.441.217
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(3.190.575.457)	(500.000.000)
Số cuối kỳ	<u>770.226.521</u>	<u>8.179.441.217</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi tiền gửi	22.664.009.591	-	14.368.330.410	-
Phải thu về cổ tức	15.187.480.000	-	-	-
Các khoản tạm ứng	3.241.058.700	-	195.000.000	-
Phải thu lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	3.190.575.457	(3.190.575.457)
Phải thu ngắn hạn khác	1.244.079.161	(319.900.000)	760.544.982	(319.900.000)
TỔNG CỘNG	42.336.627.452	(319.900.000)	18.514.450.849	(3.510.475.457)
Trong đó: Phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan (Thuyết minh 26)	15.187.480.000	-	-	-

8. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	-	-	3.190.575.457	-
Các khách hàng khác	770.226.521	-	770.226.521	-
TỔNG CỘNG	770.226.521	-	3.960.801.978	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	506.758.897	-	484.545.759	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.853.367.734	(4.484.493.591)	2.569.403.690	(1.499.637.582)
Hàng hóa	912.585.859	(599.772.525)	1.080.746.899	(599.882.567)
TỔNG CỘNG	7.272.712.490	(5.084.266.116)	4.134.696.348	(2.099.520.149)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	45.396.323.960	23.310.864.319	6.090.190.789	2.401.326.007	77.198.705.075
- Điều chỉnh quyết toán giá trị công trình	(26.291.062)	-	-	4.544.514	(21.746.548)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	45.370.032.898	23.310.864.319	6.090.190.789	2.405.870.521	77.176.958.527
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	97.168.128	88.400.000	2.862.898.462	1.142.262.370	4.190.728.960
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	30.332.810.370	17.809.277.443	4.745.397.968	1.470.353.685	54.357.839.466
- Khấu hao trong kỳ	800.067.093	1.176.344.586	242.174.346	128.075.118	2.346.661.143
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	31.132.877.463	18.985.622.029	4.987.572.314	1.598.428.803	56.704.500.609
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	15.063.513.590	5.501.586.876	1.344.792.821	930.972.322	22.840.865.609
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	14.237.155.435	4.325.242.290	1.102.618.475	807.441.718	20.472.457.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND
Nhà cửa, vật kiến trúc

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	56.105.443.119
- Tăng khác	73.834.981
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>56.179.278.100</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết -

Giá trị hao mòn lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	6.246.092.528
- Khấu hao trong kỳ	587.913.032
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>6.834.005.560</u>

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>49.859.350.591</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>49.345.272.540</u>

Tổng Công ty chưa thu thập được các thông tin cần thiết để xác định và thuyết minh giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	286.193.148.150	286.193.148.150
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	817.976.816.428	817.976.816.428
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	800.767.772.653	800.767.772.653
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(89.026.491.175)	(100.068.749.432)
TỔNG CỘNG	<u>1.815.911.246.056</u>	<u>1.804.868.987.799</u>

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	138.997.108.326	-	385.575.555.000	138.997.108.326	-	267.570.225.000	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	123.241.224.756	-	141.833.250.000	123.241.224.756	-	145.470.000.000	
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 (**)	23.954.815.068	-	16.948.750.000	23.954.815.068	-	13.650.000.000	
TỔNG CỘNG	286.193.148.150	-	544.357.555.000	286.193.148.150	-	426.690.225.000	

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn chứng khoán.

(**) Tổng Công ty không trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 mặc dù giá trị hợp lý của khoản đầu tư nhỏ hơn giá gốc do Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3 không phát sinh lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của đơn vị này.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, công ty có 7 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 7 công ty):

Công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (i)	477.969.183.365	-	896.488.574.000	477.969.183.365	-	884.731.346.800	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam	94.544.840.339	-	(*)	94.544.840.339	-	(*)	
Công ty Cổ phần Dược Danapha (i)	131.058.047.634	-	152.299.592.500	131.058.047.634	-	164.483.559.900	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 (i), (ii)	44.983.510.213	-	32.508.000.000	44.983.510.213	-	59.724.000.000	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (i)	50.340.601.545	-	286.663.685.000	50.340.601.545	-	178.452.890.000	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	14.814.901.439	-	(*)	14.814.901.439	-	(*)	
Công ty Cổ phần Dược Davina (tên trước đây là Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome)	4.265.731.893	(4.265.731.893)	(*)	4.265.731.893	(4.211.774.231)	(*)	
TỔNG CỘNG	817.976.816.428	(4.265.731.893)		817.976.816.428	(4.211.774.231)		

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán mục Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn chứng khoán.

(ii) Tổng Công ty không trích lập dự phòng tổn thất đầu tư đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 mặc dù giá trị hợp lý của khoản đầu tư nhỏ hơn giá gốc do Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 không phát sinh lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của đơn vị này.

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCF

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết các công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
			Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết và lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết và lợi ích
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Số 4, đường 30/4, phường 1, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc	22,03%	22,04%	22,03%	22,04%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam	Số 10 Hàm Nghi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	29,99%	29,99%	29,99%	29,99%
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Số 253 Dững Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	26,45%	26,45%	26,21%	26,45%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Số 448B Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc, hoá dược	28,43%	28,43%	28,43%	28,43%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Số 16 Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Sản xuất thuốc, hoá dược	22,07%	22,07%	22,07%	22,07%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Số 138 Giảng Võ, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại dược phẩm (nguyên liệu và thành phẩm) và hóa chất	41,15%	41,15%	41,15%	41,15%
Công ty Cổ phần Dược Davina (tên trước đây là Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome)	Số 253 Dững Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTPC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023				Ngày 31 tháng 12 năm 2022				Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	15,00%	173.000.000.000	-	(*)	15,00%	173.000.000.000	-	(*)	
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (i)	18,23%	197.712.783.695	(68.236.090.695)	129.476.693.000	18,23%	197.712.783.695	(76.153.730.195)	121.559.053.500	
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (i)	13,40%	139.411.862.876	-	205.205.065.400	13,40%	139.411.862.876	-	236.114.615.000	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Paribaco (i)	5,18%	69.305.080.876	-	75.146.022.400	5,18%	69.305.080.876	-	79.255.570.500	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Vidipha (i)	14,29%	67.082.455.264	-	94.039.644.600	14,29%	67.082.455.264	-	90.191.475.000	
Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (i)	10,23%	46.022.915.860	(8.185.915.510)	37.837.000.350	10,23%	46.022.915.860	(13.004.406.160)	33.018.509.700	
Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	9,90%	37.739.465.978	-	(*)	9,90%	37.739.465.978	-	(*)	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (i)	6,78%	11.861.708.288	(6.435.108.288)	5.426.600.000	6,78%	11.861.708.288	(4.116.693.057)	(*)	
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex (i)	11,50%	29.455.746.106	-	35.687.500.000	11,50%	29.455.746.106	-	29.977.500.000	
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	15,00%	11.370.153.435	-	(*)	15,00%	11.370.153.435	-	(*)	
Công ty Cổ phần Dược Medipharco (i)	9,10%	9.231.455.589	(1.903.644.789)	7.327.810.800	9,10%	9.231.455.589	(2.582.145.789)	6.649.309.800	
Công ty Cổ phần Hóa Dược Việt Nam	7,76%	5.107.203.820	-	(*)	7,76%	5.107.203.820	-	(*)	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	5,73%	3.466.940.866	-	(*)	5,73%	3.466.940.866	-	(*)	
TỔNG CỘNG		800.767.772.653	(84.760.759.282)			800.767.772.653	(95.856.975.201)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn chứng khoán.
- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	606.137.847	606.137.847	275.044.276	275.044.276
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	301.403.732	301.403.732	301.403.732	301.403.732
TỔNG CỘNG	907.541.579	907.541.579	576.448.008	576.448.008

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Người mua trả tiền trước	5.650.780.100	4.148.140.940
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Sông Hồng	1.000.000.000	1.031.615.840
- Công ty TNHH Dược Phẩm HQ	750.000.000	850.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Minh Khang	695.000.000	402.000.000
- Cadila Pharmaceuticals Limited	695.000.000	402.000.000
- Người mua trả tiền trước khác	2.510.780.100	1.462.525.100
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 26)	759.560.000	-
TỔNG CỘNG	6.410.340.100	4.148.140.940

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải thu	
Thuế giá trị gia tăng	-	-	577.184.110	(568.132.911)	(6.716.056)	-	2.335.143
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.249.745.671)	-	-	-	-	(1.249.745.671)	-
Thuế thu nhập cá nhân	(12.656.896)	32.707.420	771.858.767	(413.064.435)	(557.685.396)	(178.840.540)	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3.160.859.837	-	(3.160.859.837)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.498.750	-	(8.498.750)	-	-
TỔNG CỘNG	(1.262.402.567)	32.707.420	4.518.401.464	(981.197.346)	(3.733.760.039)	(1.428.586.211)	2.335.143

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Chi phí dịch vụ bảo quản hàng	2.226.619.184	1.086.019.355
Lãi phải trả cho cổ đông	263.459.080	263.459.080
Chi phí phải trả khác	588.461.097	1.249.168.033
TỔNG CỘNG	<u>3.078.539.361</u>	<u>2.598.646.468</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>313.298.084</i>	<i>571.279.355</i>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Đối tác trả trước tiền hỗ trợ		
chi phí thuê đất dự án 95 Láng Hạ	1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	71.723.000	73.433.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	266.871.166	244.675.606
TỔNG CỘNG	<u>1.338.594.166</u>	<u>1.318.108.606</u>

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	6.656.868.385	6.523.654.853
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(2.382.016.144)</u>	<u>(2.120.921.418)</u>
Số cuối kỳ	<u>4.274.852.241</u>	<u>4.402.733.435</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.370.000.000.000	53.558.962.101	374.783.191.484	2.798.342.153.585
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	13.211.059.688	13.211.059.688
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	73.127.323.514	(73.127.323.514)	-
Chia cổ tức	-	-	(300.990.000.000)	(300.990.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>126.686.285.615</u>	<u>13.876.927.658</u>	<u>2.510.563.213.273</u>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.370.000.000.000	126.686.285.615	25.349.475.912	2.522.035.761.527
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	166.148.293.974	166.148.293.974
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	8.273.898.868	(8.273.898.868)	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>134.960.184.483</u>	<u>183.223.871.018</u>	<u>2.688.184.055.501</u>

(*) Tổng Công ty đã thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2022 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 30 tháng 6 năm 2023.

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước (*)	154.050.000	154.050.000	-	154.050.000	154.050.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI	-	-	-	43.000.000	43.000.000	-
Các cổ đông khác	82.950.000	82.950.000	-	39.950.000	39.950.000	-
	<u>237.000.000</u>	<u>237.000.000</u>	<u>-</u>	<u>237.000.000</u>	<u>237.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Theo Văn bản số 471/TTg – ĐMDN ngày 27 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP đã được chuyển giao từ Bộ Y tế sang Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>2.370.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố		
Cổ tức cho năm 2021	-	165.900.000.000
Cổ tức cho năm 2020	-	135.090.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả		
Cổ tức cho năm 2020	1.710.000	135.074.407.000
Cổ tức cho năm 2019	-	3.160.000
Cổ tức cho năm 2018	-	1.020.000

18.4 Cổ phiếu

	<i>Đơn vị tính: Cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	237.000.000	237.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	237.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	237.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	5.570	5.570
- Euro (EUR)	9.319	15.646
- Forint Hungari (FT)	20.000	20.000
- Rúp Nga (RUB)	662.000	662.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng doanh thu	6.363.671.058	7.719.211.518
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	1.228.141.368	2.341.132.553
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.048.150.558	5.310.270.746
Doanh thu khác	87.379.132	67.808.219
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	6.363.671.058	7.719.211.518
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>125.636.258</i>	<i>128.323.635</i>
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>6.236.944.800</i>	<i>7.590.887.883</i>

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi tiền gửi	29.757.803.691	20.233.778.282
Cổ tức, lợi nhuận được chia	139.539.705.000	55.387.003.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.930.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	746.399.103	-
TỔNG CỘNG	170.057.837.794	75.620.781.282

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	791.324.552	1.584.553.248
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.638.228.563	6.167.643.053
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.984.745.967	3.135.405.167
TỔNG CỘNG	8.414.299.082	10.887.601.468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(11.042.258.257)	37.967.386.559
Lỗi chênh lệch tỷ giá	3.024.387	16.263.352
TỔNG CỘNG	(11.039.233.870)	37.983.649.911

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	1.161.301.457	878.473.021
Chi phí khấu hao	43.048.464	43.048.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.659.609	73.849.135
Chi phí bán hàng khác	366.627.964	363.534.059
TỔNG CỘNG	1.596.637.494	1.358.904.679
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	3.899.887.395	5.258.553.362
Chi phí dụng cụ quản lý	488.665.655	440.953.530
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.107.799.971	1.124.555.162
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(3.190.575.457)	(500.000.000)
Thuế, phí và lệ phí	1.324.561.088	1.248.619.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.070.826.794	9.334.580.046
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.600.346.726	3.036.969.505
TỔNG CỘNG	11.301.512.172	19.944.231.599

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí mua hàng hóa	988.569.365	1.792.835.102
Chi phí nhân công	7.057.246.589	7.547.997.860
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.978.674.175	2.993.734.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.515.256.370	10.808.910.433
Chi phí bằng tiền khác	7.888.505.253	9.161.339.109
TỔNG CỘNG	24.428.251.752	32.304.816.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Tổng Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
TỔNG CỘNG	-	-

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	166.148.293.974	13.211.059.688
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	296.818.724	234.301.293
Chi phí trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	37.967.386.559
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	229.000.000	226.000.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.984.745.967	3.135.405.167
Các khoản điều chỉnh tăng khác	3.024.387	16.263.352
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(139.539.705.000)	(55.387.003.000)
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(500.000.000)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(11.042.258.257)	-
Các khoản điều chỉnh giảm khác	(1.938.660)	(36.317.227)
Chuyển lỗ năm trước sang	(19.077.981.135)	-
Lỗ trước thuế ước tính trong kỳ	-	(1.132.904.168)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	-	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Lỗi tính thuế chuyển sang từ năm trước

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tổng Công ty có các khoản lỗi lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi tính thuế	Đã chuyển lỗi đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	Không được chuyển lỗi	Chưa chuyển lỗi tại ngày 30 tháng 6 năm 2023
2018	2023	(14.665.595.684)	14.665.595.684	-	-
2019	2024	(20.424.142.871)	20.424.142.871	-	-
2020	2025	(30.268.427.182)	10.100.901.745	-	(20.167.525.437)
2022	2027	(88.764.832.983)	-	-	(88.764.832.983)
TỔNG CỘNG		(154.122.998.720)	45.190.640.300	-	(108.932.358.420)

Đây là các khoản lỗi thuế theo tờ khai thuế TNDN của Tổng Công ty và chưa được cơ quan thuế quyết toán vào thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các lỗi thuế nêu trên do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

25.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các chênh lệch tạm thời sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này:

Đơn vị tính: VND

Số cuối năm

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.484.493.591
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.024.387
TỔNG CỘNG	4.487.517.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan mà Tổng Công ty có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, cổ đông lớn và danh sách nhân viên quản lý chủ chốt tại Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm:

<i>STT</i>	<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước	Cổ đông lớn
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con
5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty liên kết
6	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam	Công ty liên kết
7	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết
8	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Công ty liên kết
9	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Dược Davina (tên trước đây là Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome)	Công ty liên kết
12	Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
13	Ông Đinh Xuân Hấn	Chủ tịch HĐQT từ ngày 30 tháng 6 năm 2023/ Tổng Giám đốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
14	Ông Trần Đức Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 30 tháng 6 năm 2023
15	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc từ ngày 30 tháng 6 năm 2023/ Phó Tổng Giám đốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
16	Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên HĐQT
17	Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT
18	Ông Trần Văn Hải	Thành viên HĐQT từ ngày 30 tháng 6 năm 2023/Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") đến ngày 30 tháng 6 năm 2023
19	Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS
20	Bà Ngô Thị Bích Thảo	Thành viên BKS
21	Bà Hoàng Diệu Linh	Thành viên BKS từ ngày 30 tháng 6 năm 2023
22	Bà Kiều Thị Minh Hồng	Thành viên BKS từ ngày 30 tháng 6 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	62.111.126	60.515.416
		Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	67.808.219
		Thu hồi vốn góp hợp tác kinh doanh	-	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty con	Cổ tức được chia	3.636.750.000	8.485.750.000
		Phí dịch vụ bảo quản hàng hóa	60.568.190	211.200.830
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Công ty con	Phí dịch vụ bảo quản hàng hóa	238.899.275	589.518.000
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết	Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	55.914.776	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	15.187.480.000	11.390.610.000
		Mua hàng hóa	-	11.484.000
		Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	7.610.356	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	1.485.000.000	1.485.000.000
		Phí dịch vụ bảo quản hàng hóa	13.830.619	82.050.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	-	22.044.801.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Tổng Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Tổng Công ty cũng ghi nhận doanh thu sử dụng quyền nhãn hiệu “Cao sao vàng” từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty không trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tổng Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết	Phải thu dịch vụ kiểm nghiệm	-	343.440.000
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	2.717.280	-
TỔNG CỘNG			2.717.280	343.440.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức được chia	15.187.480.000	-
TỔNG CỘNG			15.187.480.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty con	Phải trả phí dịch vụ bảo quản hàng	301.403.732	301.403.732
TỔNG CỘNG			301.403.732	301.403.732
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 13.2)				
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết	Ứng trước tiền cho dịch vụ kiểm nghiệm	759.560.000	-
TỔNG CỘNG			759.560.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 15)				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Công ty con	Phải trả phí dịch vụ bảo quản hàng	238.899.275	571.279.355
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty con	Phải trả phí dịch vụ bảo quản hàng	60.568.190	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả phí dịch vụ bảo quản hàng	13.830.619	-
TỔNG CỘNG			313.298.084	571.279.355

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của HĐQT, lương Ban Tổng Giám đốc và BKS trong kỳ:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thù lao/Lương	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	90.000.000	120.000.000
Ông Đinh Xuân Hán	Chủ tịch HĐQT từ ngày 30 tháng 6 năm 2023	390.000.000	476.000.000
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc từ ngày 30 tháng 6 năm 2023	384.000.000	420.000.000
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT	258.000.000	316.000.000
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
TỔNG CỘNG		1.170.000.000	1.380.000.000

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	354.000.000	354.000.000

27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	6.300.191.042	6.148.033.776
Từ trên 1 năm đến dưới 5 năm	25.200.764.168	24.592.135.104
Trên 5 năm	199.507.965.651	194.217.011.323
TỔNG CỘNG	231.008.920.861	224.957.180.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Cam kết cho thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang cho thuê địa điểm kinh doanh theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	3.282.159.364	2.899.880.439
Từ trên 1 năm đến dưới 5 năm	2.715.602.675	4.904.277.010
TỔNG CỘNG	5.997.762.039	7.804.157.449



28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

Nguyễn Thị Hằng
Người lập

Lữ Thị Khánh Trân
Kế toán trưởng



Hàn Thị Khánh Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2023